



This project is funded by
the European Union

V 4
M F

Voices for
Mekong Forests



Kết quả đánh giá quản trị rừng

*Tại 04 huyện: Nam Giang, Tây Giang, Nam Trà My, Phước Sơn
Tỉnh Quảng Nam*

Nội dung

- Giới thiệu cảnh quan
- Tiến trình thực hiện
- Căn cứ xây dựng Khung ĐG-GS quản trị rừng
- Kết quả đánh giá quản trị rừng
- Kết luận, khuyến nghị và một số bài học

GIỚI THIỆU CẢNH QUAN

ĐẶC TRƯNG

- Tiếp giáp giữa Trung Trường Sơn (Nam Trung Bộ) và Nam Trường Sơn (Tây Nguyên);
- Đa dạng sinh học cao với nhiều loài đặc hữu;
- Nhiều loại dược liệu có giá trị cao: sâm Ngọc Linh, quế, lan kim tuyến, v.v.;
- Các hệ thống rừng đầu nguồn quan trọng: Vu Gia, sông Tranh, sông Cái, v.v.

THÁCH THỨC

- Chuyển đổi rừng tự nhiên;
- Phát triển sản xuất hàng hóa nông lâm nghiệp;
- Các dự án thủy điện, đường giao thông;
- Khai thác và vận chuyển gỗ trái phép;

TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN



CĂN CỨ XÂY DỰNG KHUNG ĐG-GS QUẢN TRỊ RỪNG

- Cơ chế giám sát và đánh giá của FLEGT/VPA (điều 15, điều 16);
- Yêu cầu giám sát thực hiện kế hoạch REDD+ quốc gia (Quyết định 419/QĐ-TTg, Quyết định 886/QĐ-TTg/2017);
- Cơ chế giám sát và đánh giá trong chi trả DVMTR (Nghị định 99/2010/NĐ-CP, Nghị định 147/2016/NĐ-CP, Nghị định 156/2018/NĐ-CP);

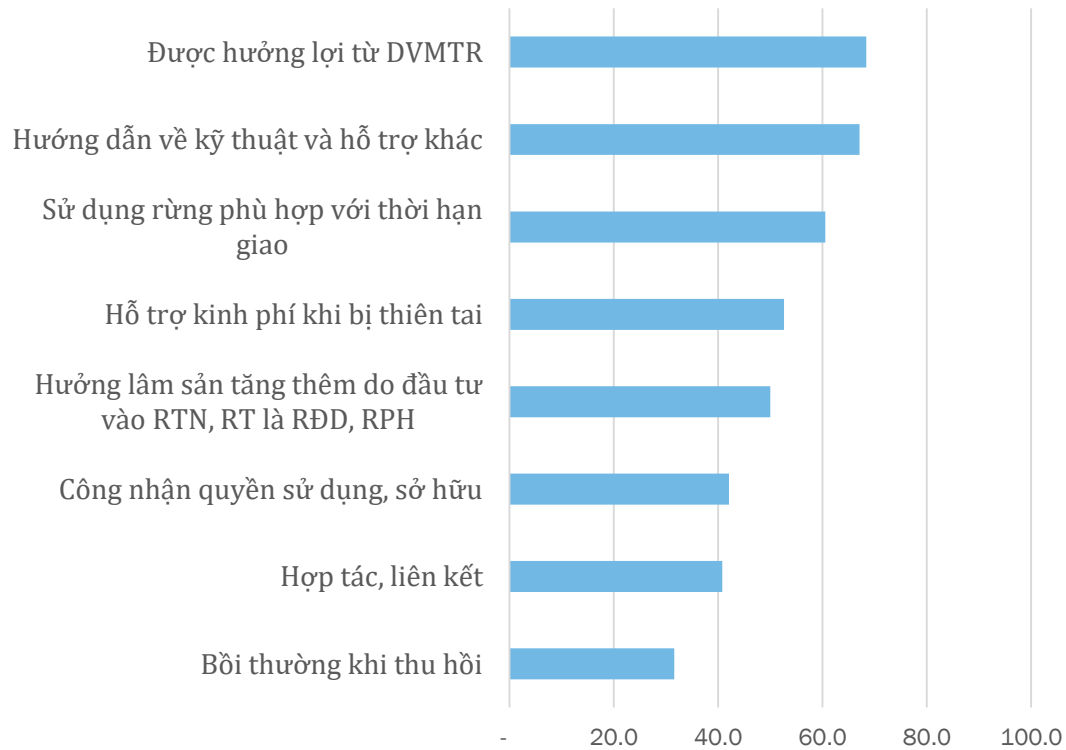
I TRỤ CỘT 1 KHUNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LÝ VÀ THỂ CHẾ	II TRỤ CỘT 2 QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH VÀ RA QUYẾT ĐỊNH	III TRỤ CỘT 3 THỰC HIỆN, THỰC THI VÀ TUÂN THỦ
	TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH	
	TÍNH HIỆU QUẢ	
	TÍNH HIỆU LỰC	
	SỰ CÔNG BẰNG	
	SỰ THAM GIA	
	SỰ MINH BẠCH	
Xem xét chính sách, luật, các quy định và tiêu chuẩn của các ngành, cũng như các yếu tố khác tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến rừng	Xem xét mức độ minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả của các thể chế quản lý rừng. Trụ cột này khảo sát đặc điểm của các quy trình, chức năng và mức giải trình của các thể chế chủ chốt, độ mở của thể chế này với sự tham gia và đóng góp của các bên liên quan đến rừng.	Đánh giá mức độ thực thi và tuân thủ các chính sách, luật và quy định của ngành lâm nghiệp. Đánh giá này có tính đến hiệu quả, hiệu lực và mức độ công bằng của việc thực thi.

CÔNG BẰNG, MINH BẠCH	HIỆU QUẢ, HIỆU SUẤT	SỰ THAM GIA
Tôn trọng quyền hưởng dụng	Chính sách, quy hoạch phù hợp	Đảm bảo sự tham gia
Chia sẻ lợi ích công bằng	Nỗ lực bảo vệ bền vững cảnh quan rừng	Tiếp thu ý kiến từ các bên liên quan
Đảm bảo khả năng tiếp cận thông tin	Quản lý bảo vệ rừng tự nhiên hiệu quả	Những yếu tố cản trở sự tham gia
Giải đáp thắc mắc và giải quyết khiếu nại	Những yếu tố ảnh hưởng tới BVPTR	

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỪNG

Mức độ công bằng, minh bạch Tôn trọng quyền hưởng dụng

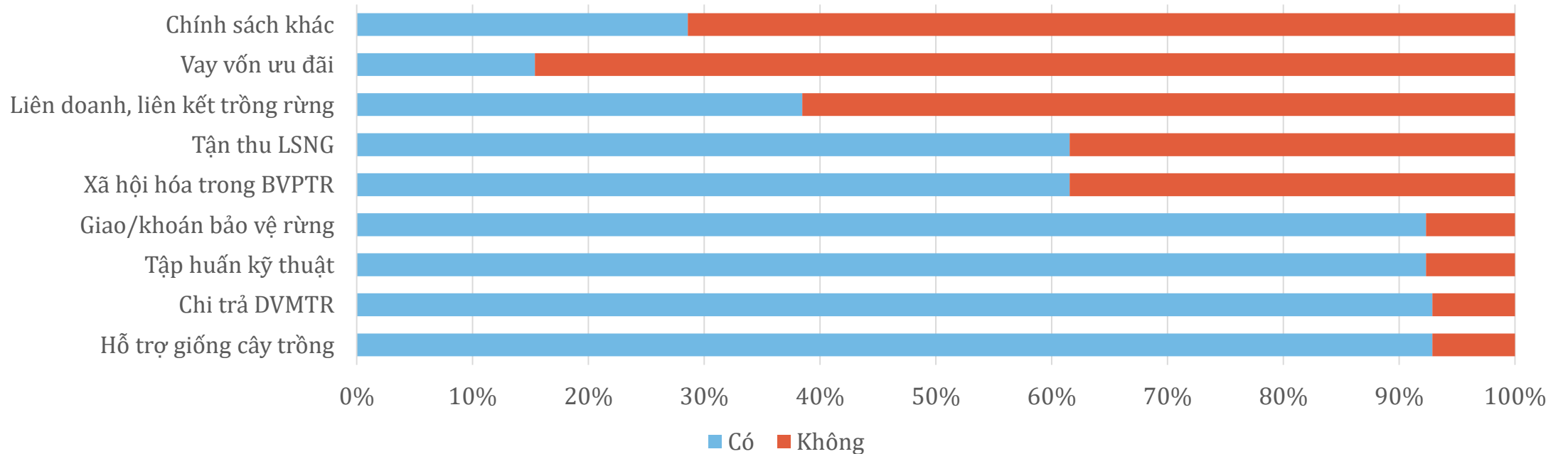
- Các quyền pháp định được tôn trọng
- Quyền theo luật tục và khả năng tiếp cận tài nguyên rừng còn hạn chế



Chủ rừng	2016	2017	2018	2019
Hộ gia đình, cá nhân	56,982	59,907	59,748	67,370
	7.0%	8.9%	8.9%	9.9%
Cộng đồng dân cư	5,005	6,817	9,313	11,504
	0.6%	1.0%	1.4%	1.7%
UBND xã	343,453	245,561	242,534	241,202
	42.4%	36.5%	36.1%	35.4%
Tổng diện tích	809,644	671,997	671,997	682,222

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỪNG

Mức độ công bằng, minh bạch *Chia sẻ lợi ích công bằng*



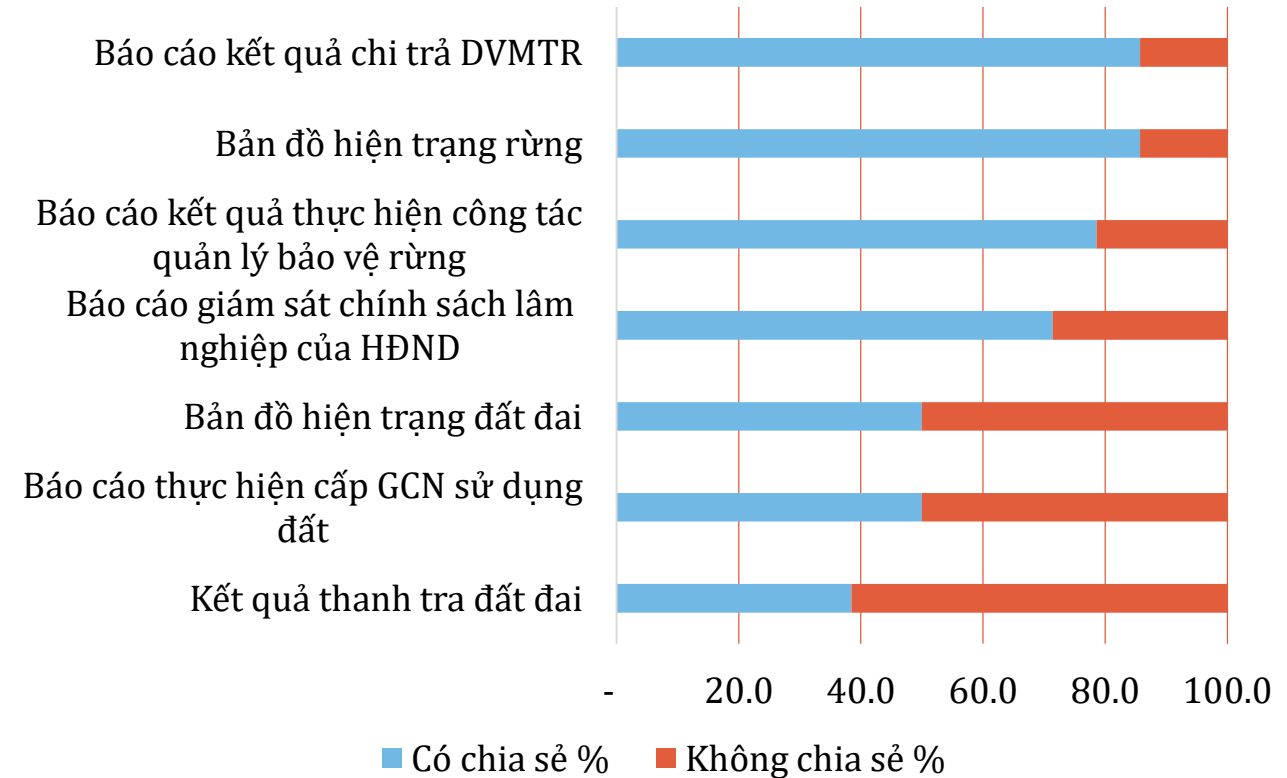
Biểu. Các chính sách giúp phát triển sinh kế bền vững

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỪNG

Mức độ công bằng, minh bạch

Đảm bảo khả năng tiếp cận thông tin

- Cộng đồng: sử dụng các kênh truyền thống
- Cơ quan quản lý nhà nước: ứng dụng công nghệ thông tin (Q-office, 2011)

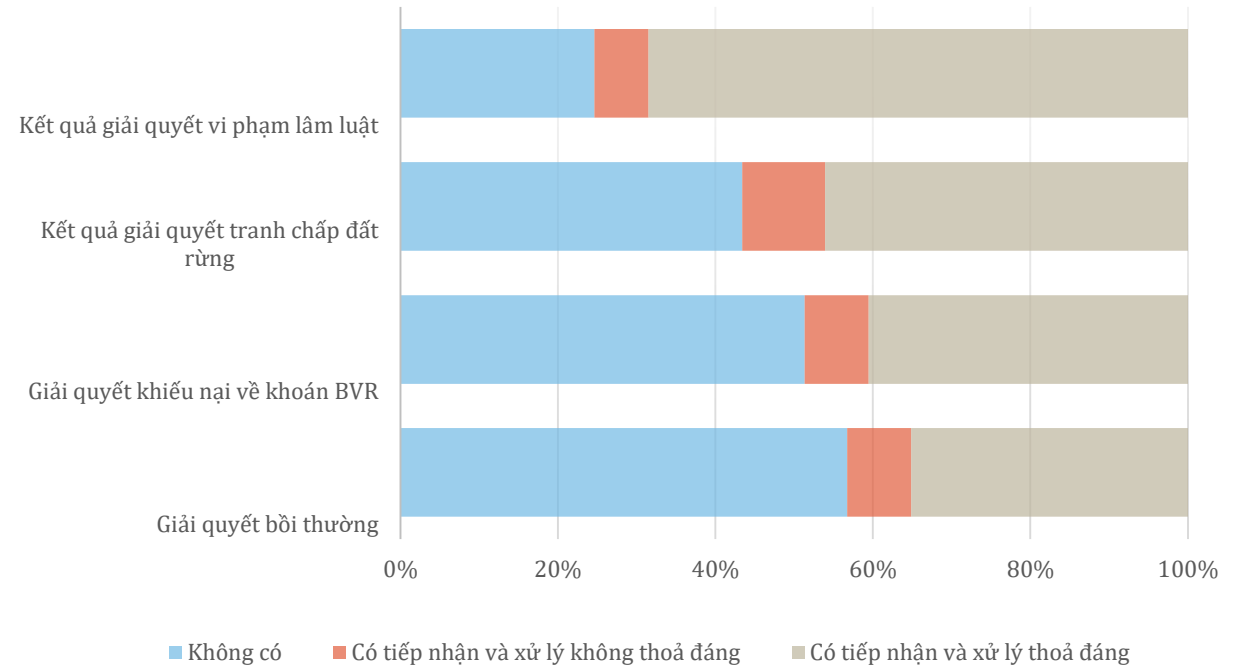


Biểu. Mức độ chia sẻ thông tin giữa các đơn vị

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỪNG

Mức độ công bằng, minh bạch
Giải đáp thắc mắc và giải quyết khiếu nại

➤ Các kênh nhận và giải quyết khiếu nại tố cáo sẵn có nhưng chưa được biết rộng rãi

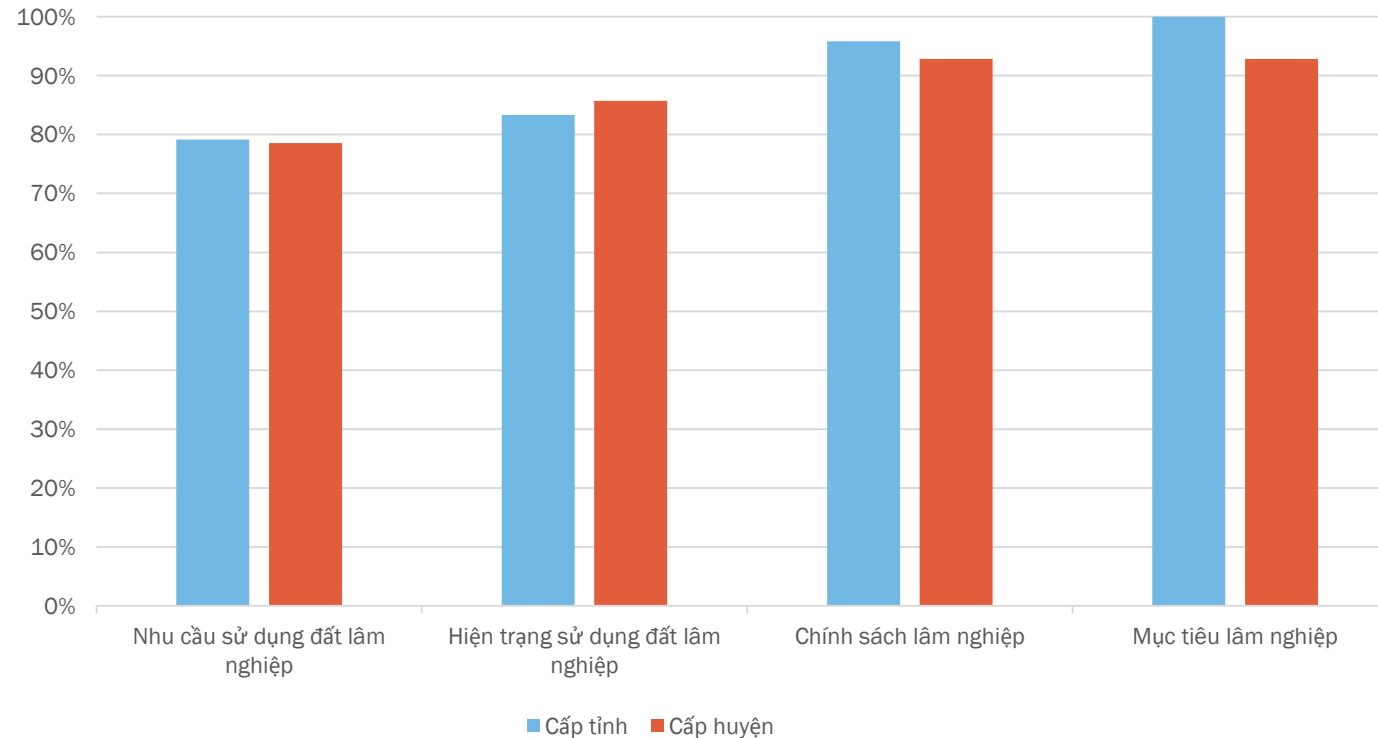


Biểu. Tỷ lệ tiếp nhận thông tin và xử lý thắc mắc, khiếu nại

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỪNG

Hiệu quả, hiệu suất

Chính sách, quy hoạch phù hợp với hiện trạng cảnh quan

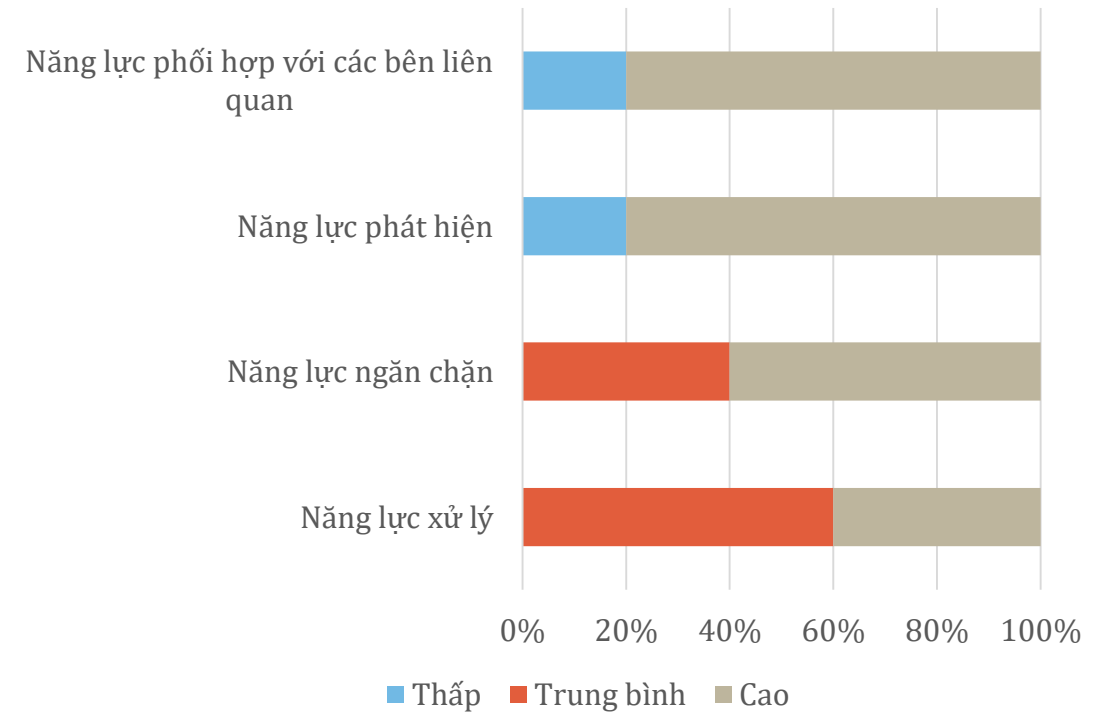


KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỪNG

Hiệu quả, hiệu suất

Nỗ lực bảo vệ bền vững cảnh quan rừng

- Giảm tình trạng tiêu thụ gỗ và các loại động vật hoang dã trái phép
- Phối hợp liên ngành, liên tỉnh (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum) bảo vệ rừng vùng giáp ranh;
- Nhân lực và năng lực chuyên môn còn thiếu và yếu, cần được tăng cường



Biểu. Các ưu tiên nâng cao năng lực

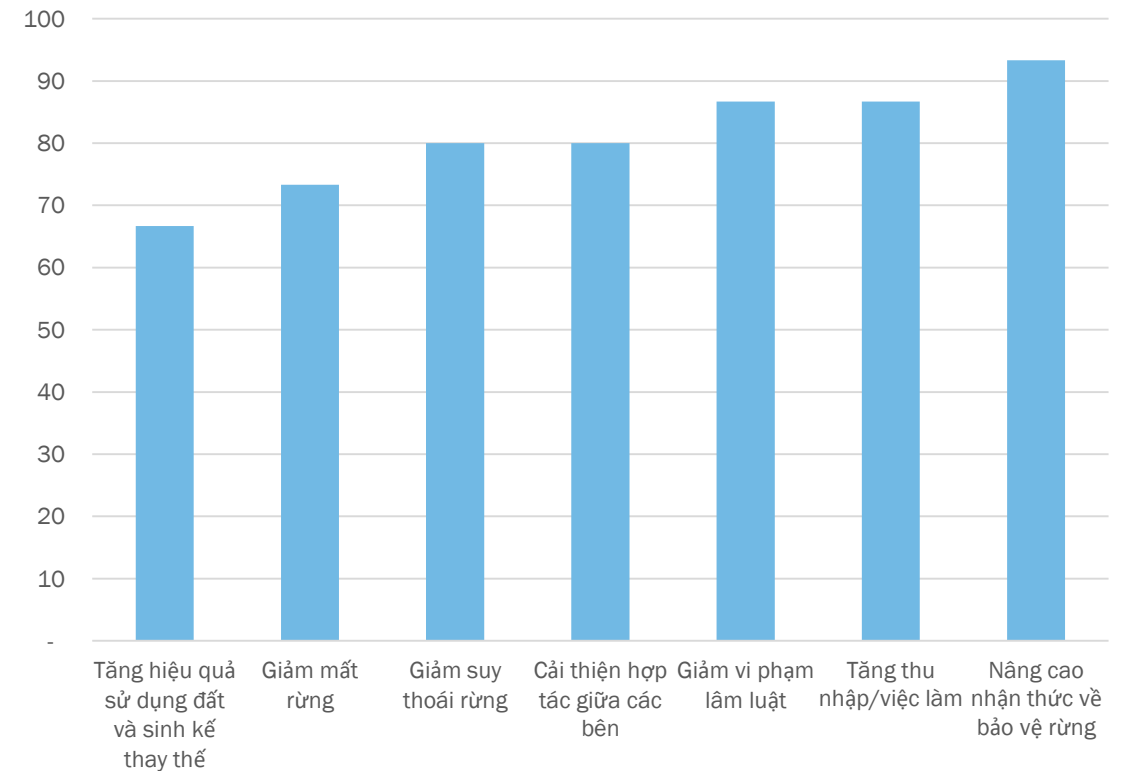
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỪNG

Hiệu quả, hiệu suất

Quản lý bảo vệ rừng tự nhiên hiệu quả

Phương án đề xuất cho rừng UBND xã	Tỉ lệ
Giao cho công ty/tổ chức kinh tế.	0.8
Chuyển đổi mục đích sử dụng.	1.7
Tăng cường chia sẻ lợi ích.	2.5
Không có ý kiến	2.5
Giao cho chủ rừng nhà nước.	6.8
Giao cho lực lượng bảo vệ rừng	8.5
Giữ nguyên hiện trạng	9.3
Giao cho cộng đồng (thôn, bản,..)	14.4
Giao cho hộ/nhóm hộ gia đình	16.9

Hiệu quả bảo vệ rừng của cộng đồng



KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỪNG

Hiệu quả, hiệu suất

Những yếu tố ảnh hưởng tới BVPTR

- Các hoạt động đầu tư quy mô lớn và khai thác LSNG quy mô nhỏ ít ảnh hưởng tới hiệu quả BVPTR;
- Khung pháp lý, năng lực thực thi và thói quen tiêu dùng tạo ra thách thức cho QL BVR
- 3 nguồn lực ưu tiên:
 - tăng cường nhân lực thực hiện VNTLAS và kỹ năng cho đơn vị thực thi;
 - tăng cường nhân lực cho đơn vị cấp phép FLEGT;
 - hỗ trợ kỹ thuật và cơ sở hạ tầng số cho các bên liên quan tại địa phương

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỪNG

Sự tham gia

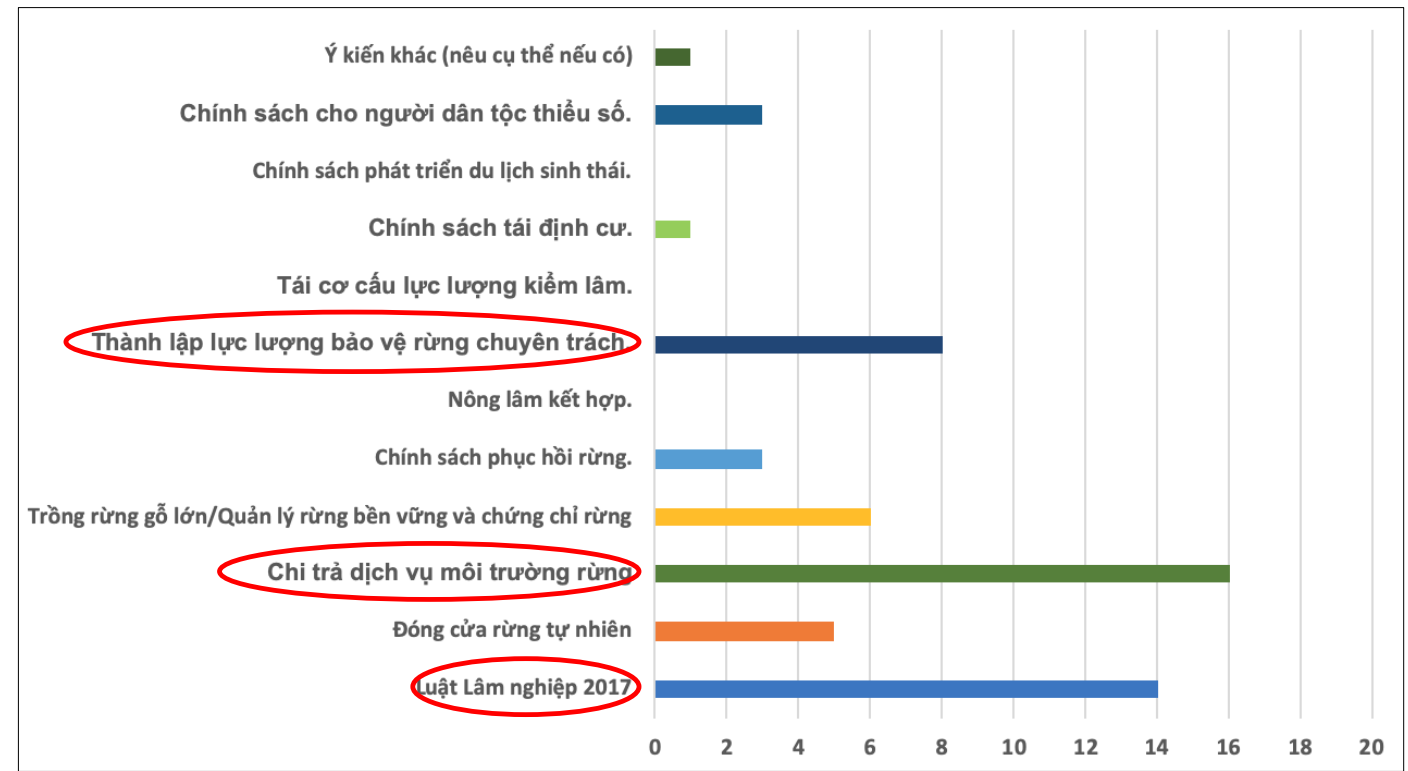
- Bước đầu có sự tham gia của các bên liên quan vào các giai đoạn của dự án
- Không có bằng chứng rõ ràng về sự tham gia và tiếp thu tiếng nói từ các bên liên quan
- Nguồn lực tài chính hạn chế là yếu tố cản trở sự tham gia của nhiều bên liên quan

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ RỪNG THEO TRỤ CỘT

Khung chính sách, thể chế

3 chính sách **tác động tích cực nhất** tới sự PTBV ngành lâm nghiệp:

- Chính sách chi trả DVMTR
- Luật Lâm nghiệp 2017
- Thành lập LLBVR chuyên trách



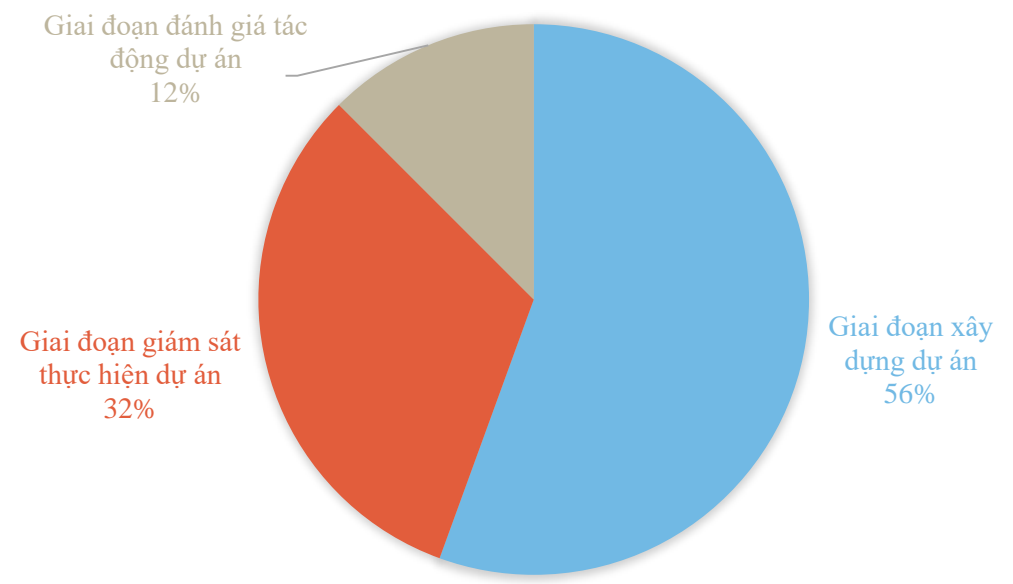
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ RỪNG THEO TRỤ CỘT

Khung chính sách, thể chế

- Quyền truyền thống của người dân và cộng đồng địa phương được thực hành thông qua:
 - Hương ước quản lý bảo vệ rừng của cộng đồng;
 - Luật tục thờ cúng và chôn cất của người dân;
 - Người dân được quyền vào rừng để thu hái các lâm sản phụ phục vụ cho đời sống sinh hoạt của gia đình.
- Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phù hợp với hiện trạng, nhu cầu, mục tiêu và kế hoạch sử dụng đất lâm nghiệp cấp tỉnh.

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ RỪNG THEO TRỤ CỘT

Quy trình lập kế hoạch và ra quyết định



- Các thông tin về lâm nghiệp đều **tương đối công khai**
- Các kênh tiếp nhận thông tin về khiếu nại, tố cáo **đã có** nhưng **chưa được biết đến rộng rãi**

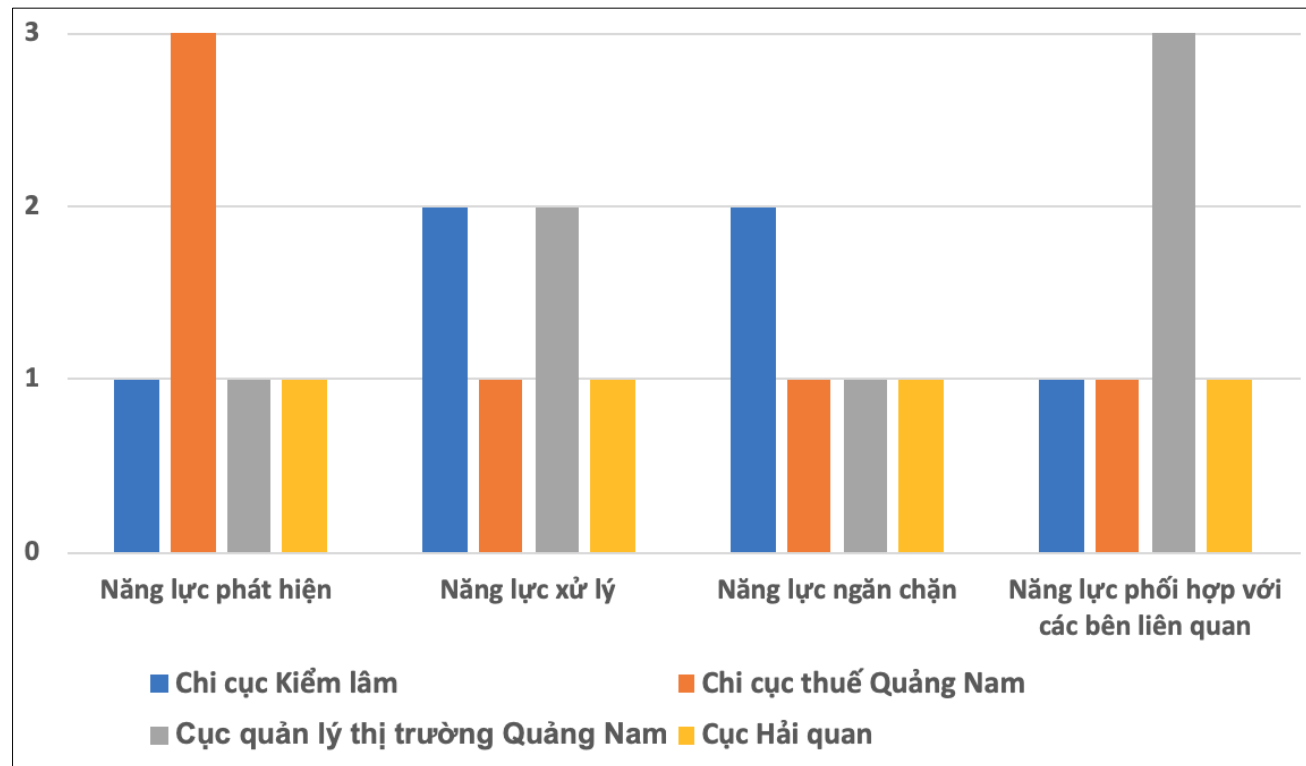
Biểu. Sự tham gia của các bên liên quan vào các giai đoạn của dự án

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ RỪNG THEO TRỤ CỘT

Thực hiện, thực thi và Tuân thủ

Nguồn lực của các cơ quan thực thi lâm luật

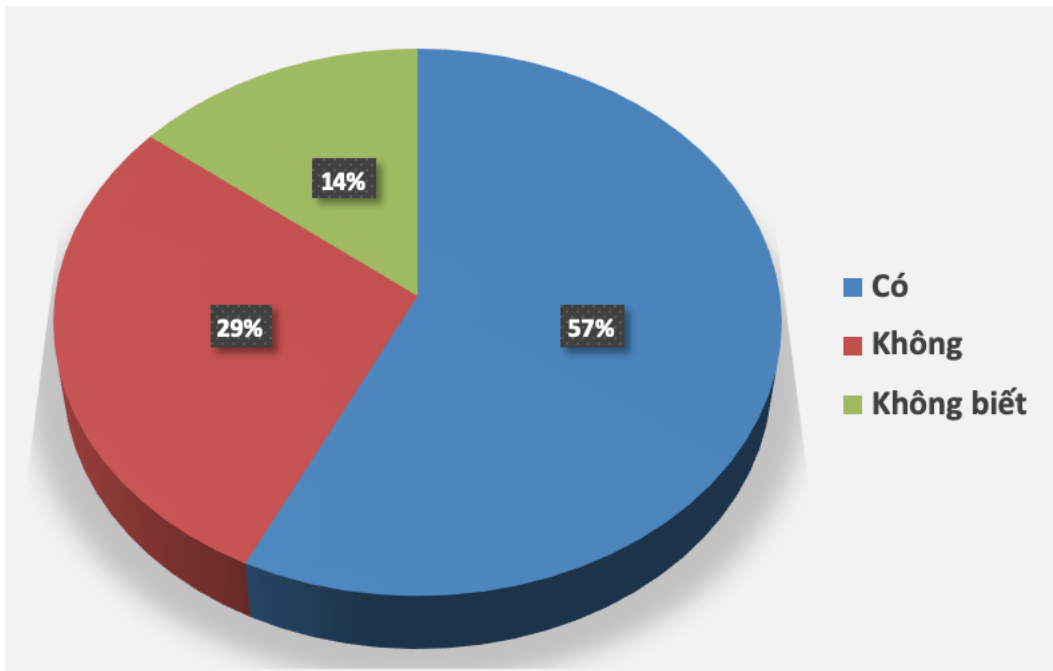
Hơn 70% các đơn vị chức năng hiện nay đang thiếu nhân lực thực hiện và hơn 90% nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ chỉ ở mức trung bình. Ngoài ra, sự thiếu hụt về vật lực cũng cao.



*Mức độ ưu tiên nâng cao năng lực của các đơn vị
(Ưu tiên cao: 1; Ưu tiên trung bình: 2; Ưu tiên thấp: 3)*

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ RỪNG THEO TRỤ CỘT

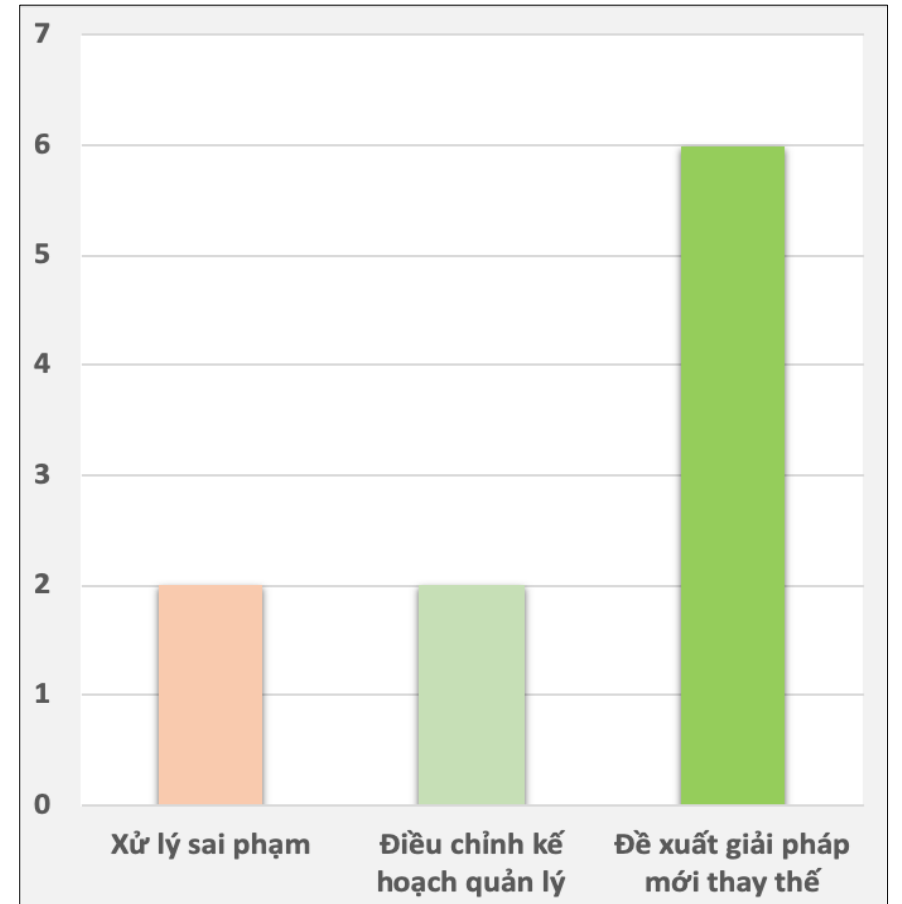
Thực hiện, thực thi và Tuân thủ



Hệ thống thanh tra, giám sát và đánh giá độc lập



Kết quả



Sử dụng kết quả thanh tra, giám sát và đánh giá

KẾT LUẬN, KHUYẾN NGHỊ, BÀI HỌC

KẾT LUẬN:

Công bằng – minh bạch:

- Chính sách pháp luật được tôn trọng và thực thi, trong khi một số quyền gắn với luật tục bị bãi bỏ;
- Có mâu thuẫn trong các chủ trương về giao đất giao rừng;
- Việc chia sẻ thông tin mới chỉ đảm bảo đúng quy trình, mức độ quan tâm của các bên liên quan không cao;

Hiệu quả - hiệu suất

- Các chính sách, quy hoạch và kế hoạch của địa phương đã ban hành được đánh giá là phù hợp;
- Thiếu và yếu về nhân lực và năng lực => cần có các hỗ trợ nâng cao năng lực;
- Các thói quen tiêu dùng của các bên liên quan trong cảnh quan lại là một khó khăn đối với công tác QLBR;

Sự tham gia

- Chưa có bằng chứng rõ ràng về sự tham gia của các bên liên quan, cũng như việc phản hồi tiếng nói của các bên liên quan trong tiến trình xây dựng và thực thi chính sách;

KẾT LUẬN, KHUYẾN NGHỊ, BÀI HỌC

KIẾN NGHỊ

- Các lỗ hổng chính sách và năng lực thực thi của các cơ quan chức năng cũng được cho là các thách thức đối với QLBNR => để đảm bảo hiệu quả bảo vệ rừng, cần thực hiện giám sát các tiêu chí này trong thời gian tối thiểu 03 năm để có những giải pháp cải thiện quản trị rừng phù hợp
- không có bằng chứng rõ ràng về sự tham gia của các bên liên quan vào các tiến trình xây dựng chính sách và các dự án có tác động tới cảnh quan, cũng như chưa có bằng chứng về sự tiếp thu tiếng nói của các bên liên quan tại địa phương => giám sát việc thực hiện các hoạt động này trong thời gian tối thiểu 03 năm để xác định vấn đề và đề xuất các giải pháp thực thi phù hợp.

KẾT LUẬN, KHUYẾN NGHỊ, BÀI HỌC

BÀI HỌC

- Ngôn ngữ sử dụng trong thu thập thông tin phải phù hợp với đối tượng phỏng vấn
- Phương pháp phỏng vấn: cần có hỗ trợ chuyên môn cho các nhóm phỏng vấn
- Xác định đối tượng phỏng vấn phù hợp để đảm bảo độ tin cậy của dữ liệu đánh giá

voices4mekongforests.org



This project is funded by
the European Union

V 4
M F

Voices for
Mekong Forests 